

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 02 – 12 - 2021

“ *V/v ly hôn* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Thiết**

- Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Sơn Mút**

2/ Bà **Hoàng Thị Kim Tuyết**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Hoàng Khâm** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày **02** tháng **12** năm **2021**, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 78/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 52/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự;

- **Nguyên đơn:** Bà **Thảo**, sinh năm 1968 - *có mặt*.

- **Bị đơn:** Ông **Truyền**, sinh năm 1966 - *vắng mặt*.

Cùng địa chỉ: số X, tổ 5, ấp 1, xã V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2021 nguyên đơn bà Thảo trình bày:*
Vào năm 1987 tôi và anh Truyền có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, hai bên do quen biết được cha mẹ hai bên đồng ý, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chúng tôi về sống chung tại xã Đ, thời gian đầu sống rất hạnh phúc, nhưng gần đây chúng tôi có nhiều mâu thuẫn như cãi nhau, vợ chồng bất đồng ý kiến và sống ly thân từ năm 2011 đến nay.

Quá trình sống chung chúng tôi có 03 đứa con là: Liên, sinh năm 1988; Mỹ Quan, sinh năm 1993; Duy, sinh năm 1995 đã trưởng thành. Về tài sản chung: Không có, về nợ chung: không có.

Nay tôi yêu cầu được ly hôn với ông Truyền. Về con chung: các cháu đã trưởng thành, tùy ý theo nguyện vọng của các con muông sống với ai thì tùy. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, để tự thỏa thuận, về nợ chung: không có.

- Bị đơn Truyền vắng mặt tại phiên Tòa, không có lý do không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bằng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét thấy, bị đơn Truyền được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét mối quan hệ gia đình: Nhận thấy, giữa bà Thảo và ông Truyền có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng anh, chị có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về kinh tế gia đình, không chăm lo cho vợ con. Từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình; Tòa án đã mời hòa giải nhằm giúp hai bên đoàn tụ và cho hai bên có thời gian hàn gắn tình cảm, nhưng anh, chị không trở về đoàn tụ được xem như hòa giải đoàn tụ không thành. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Thảo với ông Truyền. Cho bà Thảo được ly hôn với ông Truyền.

[3.1] Về con chung: Xét thấy, bà Thảo và ông Truyền có 03 đứa con chung là: Liên, sinh năm 1988; Mỹ Quan, sinh năm 1993; Duy, sinh năm 1995 đã trưởng thành.

[3.2] Về tài sản chung: Bà Thảo không yêu cầu giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không xem xét.

[3.3] Về nợ chung: Bà Thảo không yêu cầu giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Thảo phải chịu số tiền án phí là: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010765, ngày 13/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, bà Thảo không phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Thảo.

Cho bà Thảo được ly hôn với ông Truyền.

2/ Về con chung: Bà Thảo và ông Truyền có 03 đứa con là: Liên, sinh năm 1988; Mỹ Quan, sinh năm 1993; Duy, sinh năm 1995 đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung: Bà Thảo không yêu cầu giải quyết, đề tự thỏa thuận, nên không xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Thảo không yêu cầu giải quyết, đề tự thỏa thuận, nên không xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Bà Thảo phải chịu số tiền án phí là: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010765, ngày 13/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, bà Thảo không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn chị Thảo, bị đơn anh Tuyền được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND TX B;*
- *CC THADS TX B;*
- *UBND xã Đ;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Minh Thiết